

## CÂN ĐÓNG AN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>139.522.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>139.522.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	573.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.250.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.982.000	II. Chi thường xuyên	132.134.000
III. Thu bổ sung	134.967.000	III. Dự phòng	4.138.000
- Bổ sung cân đối	134.967.000		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		GHI CHÚ
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	
	<b>TỔNG THU</b>	<b>10.026.000</b>	<b>139.522.000</b>	
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>604.000</b>	<b>573.000</b>	
	Phí, lệ phí	109.000	78.000	
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	390.000	390.000	
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
	Thu khác	105.000	105.000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>9.422.000</b>	<b>3.982.000</b>	
1	Các khoản thu phân chia	9.422.000	3.982.000	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	190.000		
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	293.000		
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.506.000	452.000	
	Thuế thu nhập cá nhân	933.000	280.000	
	Thu tiền sử dụng đất	6.500.000	3.250.000	
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định			
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>			
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>-</b>	<b>134.967.000</b>	
	Thu bổ sung cân đối		134.967.000	
	Thu bổ sung có mục tiêu			

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>139.522.000</b>	<b>3.250.000</b>	<b>136.272.000</b>	
	Trong đó				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	89.438.000		89.438.000	
2	Chi khoa học và công nghệ	-			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	245.000		245.000	
4	Chi văn hóa thông tin	1.119.000		1.119.000	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	436.000		436.000	
6	Chi thể dục thể thao	306.000		306.000	
7	Chi bảo vệ môi trường	618.000		618.000	
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.109.000		5.109.000	
9	Chi an ninh - quốc phòng	3.571.000		3.571.000	
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, HĐND	27.417.000		27.417.000	
11	Chi bảo đảm xã hội	3.766.000		3.766.000	
12	Chi khác	109.000		109.000	
13	Dự phòng ngân sách	8.458.000		4.138.000	

**DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2025**  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Tổng số	Dự toán năm 2025		Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
<b>TỔNG SỐ.</b>										
<b>I. Công trình chuyển tiếp</b>										
Trường Mầm non Cộng Hòa 2 - thị xã Chí Linh: Hạng mục: Nhà chức năng 2 tầng trường mầm non	2015	2.696,56		2.170,22	2.170,22	235,98	235,98	235,98	235,98	
Ao dạy bơi trường Tiểu học Cộng Hòa	2015	1.576,00		1.419,00	1.419,00	6,75	6,75	6,75	6,75	
Xây dựng tuyến đường từ ngã tư thương binh đi quốc lộ 18 và từ công ty sản xuất vật liệu xây dựng Chí Linh đi Quán Sui	2019	14.997,37		13.590,76	13.590,76	516,34	516,34	516,34	516,34	
Trường MN CH1 - Điểm KDC Tiên Định; hạng mục: nhà lớp học 1 tầng 2 phòng	2017	1.279,74		1.155,38	1.155,38	29,84	29,84	29,84	29,84	
Trường MN CH2- Điểm KDC Chúc Thôn; hạng mục: nhà bếp, hiệu bộ 2 tầng và nâng tầng 2 nhà lớp học	2017	2.045,78		1.930,02	1.930,02	42,97	42,97	42,97	42,97	
Trường Mầm non Cộng Hòa 1 - điểm tập trung hạng mục nhà lớp học 8 phòng	2017	5.807,00		5.023,13	5.023,13	122,89	122,89	122,89	122,89	
Cải tạo trụ sở UBND phường, Hạng mục: Cải tạo công, tường rào	2019	1.153,00		829,00	829,00	299,23	299,23	299,23	299,23	
Chỉnh trang quốc lộ 37 đoạn từ KĐT Trường Linh đến ngã tư Thương Bình phường Cộng Hòa, tx Chí Linh. Hạng mục: Mở rộng nền đường, lát vỉa hè	2019	1.273,84		598,00	598,00	154,64	154,64	154,64	154,64	
Chỉnh trang quốc lộ 37 đoạn từ KĐT Trường Linh đến ngã tư Thương Bình phường Cộng Hòa, tx Chí Linh. Hạng mục: Thoát nước	2019	1.250,00		550,00	550,00	181,26	181,26	181,26	181,26	
Chỉnh trang đô thị các khu dân cư ven đường Quốc lộ 18, đoạn Km40+16- 40+550, HM: Bó vỉa và lát vỉa hè	2018	694,47		320,00	320,00	223,60	223,60	223,60	223,60	
Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa các khu dân cư Tiên Sơn, Hàm éch, Chúc Thôn, Tân Tiến - Bích Động- Lôi Động	2020	1.226,31		1.044,16	1.044,16	3,01	3,01	3,01	3,01	
Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa các khu dân cư phường Cộng Hòa; Hạng mục: Nhà văn hóa KDC Chi Ngải 1, Chi Ngải 2, cầu dồng, Chúc Cường	2020	1.104,21		1.021,49	1.021,49	2,94	2,94	2,94	2,94	
Chỉnh trang đô thị các khu dân cư ven đường Quốc lộ 18, q1 37, và đường vào lữ đoàn 490 địa phận phường Cộng Hoà, HM: chặt hạ và loại bỏ gốc cây	2018	185,45		-	-	182,70	182,70	182,70	182,70	
Cải tạo rãnh thoát nước trường THCS Cộng Hòa	2018	78,43		56,60	56,60	12,98	12,98	12,98	12,98	
Thi công sân bãi xe ô tô khu di tích chùa Côn Sơn giai đoạn 1, Hạng mục: San gạt, đắp nền sân bãi xe ô tô, cống thoát nước	2018	157,52		135,00	135,00	16,35	16,35	16,35	16,35	
Cải tạo, làm mới sân trường MN Tiên Định, P Cộng Hoà, tx Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2018	75,33		54,03	54,03	12,93	12,93	12,93	12,93	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Bãi xe tạm trong khu di tích chùa Cồn Sơn, Hạng mục: San gạt mặt bằng, đổ bê tông, điện chiếu sáng	2018	630,81		454,25	454,25	20,48	20,48	20,48	
Cải tạo, sửa chữa phòng hội trường phường Cộng Hòa, tx Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2016	150,25		125,07	125,07	21,32	21,32	21,32	
Trường Mầm non Cộng Hòa 1- điểm tập trung hạng mục nhà hành chính quản trị và pv học tập	2017	2.919,08		2.238,92	2.238,92	245,15	245	245	
Trường Mầm non Cộng Hòa 1- điểm tập trung hạng mục nhà lớp học 4 phòng	2017	3.200,00		2.284,00	2.284,00				
Cải tạo, nâng cấp hồ Cầu Đông, phường Cộng Hòa	2016	1.297,00		1.215,03	1.215,03				
Xây dựng tuyến đường nối từ KDC Chúc Thôn đến Chi Ngải 1, phường Cộng Hòa, tx Chí Linh( Đoạn từ Km+870,22 đến Km1+909,17)	2018	9.251,40		7.499,00	7.499,00	1.446,00	1.446	1.446	
Sửa chữa hội trường ủy ban nhân dân	2017	354,00		297,00	297,00				
Cải tạo, nâng cấp sân vận động khu dân cư Cầu Đông, phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh	2018	442,00		400,00	400,00				
Tường rào vào các công trình phụ trợ trường MN CH, TP CL, Hạng mục vườn cỏ tích	2020	654,00		582,07	582,07				
Tường rào vào các công trình phụ trợ trường MN CH, TP CL, Hạng mục mái che sân	2020	1.040,00		917,08	917,08				
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ KDC Chi Ngải 2 đi ngã ba Trại Mới, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh	2021-2022	12.124,61		10.943,04	10.943,04	842,70	842,70	842,70	
Cải tạo sửa chữa công trường rào trường Tiểu học Cộng Hòa	2021	846,22		500,00	500,00	290,12	290,12	290,12	
Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ ngã 3 Xóm Ngò đến QL 18 phường Cộng Hòa, TP Chí Linh	2024	8.456,45		4.286,6	4.286,6	2.531,00	2.531	2.531	
Trường mầm non Hưng Đạo; HM: Nhà lớp học 1 tầng móng 2 tầng	2019-2020	3.339,89		3.218,25	3.218,25				
Trường THCS Hưng Đạo, thị xã Chí Linh HM Nhà lớp học 1 tầng	2017	3.642,30		3.464,52	3.464,52	11,06	11,063	11,063	
Hội trường xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2018	5.675,34		4.909,29	4.909,29	1,09	1,093	1,093	
Trụ sở làm việc UBND xã Hưng Đạo TX Chí Linh HM: nhà một cửa, nhà để xe	2019	1.151,29		1.005,76	1.005,76	8,20	8,200	8,200	
Trụ sở làm việc xã Hưng Đạo, HM: Đắp nền, thoát nước, điện chiếu sáng	2019	1.119,84		940,76	940,76	60,54	60,537	60,537	
Nhà văn hóa thôn Ngọc Tân, xã Hưng Đạo	2020	2.062,46		1.929,48	1.929,48				
Trụ sở làm việc xã Hưng Đạo, HM: Nền sân, nhà bảo vệ, nhà để xe, cây xanh, giếng khoan nước	2020	1.041,74		944,99	944,99				
Di chuyển đường dây 35KV phục vụ GPMB XD hội trường xã Hưng Đạo TX Chí Linh	2019	719,55		631,35	631,35				
Cải tạo nghĩa trang xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh	2020	1.201,83		1.110,66	1.110,66				
HTKT thôn Dinh Sơn xã Hưng Đạo TX Chí Linh HM: GPMB và sân nền	2019	818,03		750,75	750,75	8,04	8,038	8,038	
Hạ tầng kĩ thuật thôn Kim Điền, xã Hưng Đạo, thị xã Chí Linh	2020	591,84		557,31	557,31	24,18	24,176	24,176	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn ngân sách	Nguồn đóng góp
Sân vận động trung tâm xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh	2020	5.355,21		4.919,10	182,85	182,851	182,851	
Trụ sở làm việc xã Hưng Đạo, HM: Công, trường rào	2019	1.149,64		963,93	109,49	109,49	109,49	
Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thành nhà làm việc công an xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh	2021	2.013,69		1.890,27	165,21	165,21	165,21	
Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Trung Đạo, nam phần cũ	2021	2.452,45		2.267,88				
Chỉnh trang đồ thị trực xã Hưng Đạo, đoạn từ nhà anh Mùi đến điện máy Quang Trang (từ Km03302,02 đến Km1+020,58 đường huyện 17B)	2024	11.930,2		4.086,1	3.485,24	3.485,2	3.485,2	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Dực Sơn, xã Hưng Đạo	2024	3.478,2		980,1	1.500,00	1.500	1.500	
Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng trường mầm non xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2016	4.402,712		3.761,30	27,53	27,532	27,532	
Trường mầm non trung tâm xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà lớp học 01 tầng 4 phòng	2017	3.763,197		3.329,23	98,16	98,158	98,158	
Trường mầm non trung tâm xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Nhà lớp học và nhà hiệu bộ 2 tầng	2017	3.525,111		3.030,00	88,80	88,804	88,804	
Trường mầm non trung tâm xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Hạng mục: Các công trình phụ trợ	2017	2.088,184		1.882,03	67,49	67,493	67,493	
Trường THCS Lê Lợi, xã Lê Lợi. Hạng mục: Nhà hiệu bộ 02 tầng	2017	2.519,150		2.130,16	11,58	11,576	11,576	
Trung tâm văn hóa xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh. HM: Công, trường rào, sân vận động	2018	2.169,903		2.029,38	54,14	54,140	54,140	
Đường liên thôn xã Lê Lợi (đoạn từ trạm bơm xóm Góc Mít đi xóm Cung 7 thuộc thôn Bến), thị xã Chí Linh	2019	862,497		834,66	23,46	23,461	23,461	
Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường, nhà xe, sân sau UBND xã Lê Lợi, TP Chí Linh	2020	488,617		350,00	37,66	37,659	37,659	
Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Đa Cốc (Đoạn từ tuyến đường liên xã đến nhà ông Khuê) xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	2020	1.083,054		1.000,00	54,20	54,196	54,196	
Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Thanh Tào (Đoạn từ đường bê tông xóm Đồng Giang - Cón Cạn) xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	2020	1.078,706		1.000,00	60,70	60,704	60,704	
Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Thanh Tào (Đoạn từ công ông Cờ - Cón Cạn) xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	2020	1.078,741		1.000,00	22,43	22,433	22,433	
Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Đa Cốc (Đoạn từ tuyến đường liên xã đến nhà ông Cói) xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	2020	1.083,617		1.000,00	28,95	28,946	28,946	
Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư mới Thanh Tào - xã Lê Lợi, thị xã Chí Linh	2019	8.442,840		3.664,77				
Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hoàng Tân - Bến Tắm - Bắc An - Lê Lợi, thành phố Chí Linh. Đoạn tuyến trên địa phận thôn Đa Cốc, xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh	2021	14.649		14.029,24	456,34	456,34	456,34	
Cải tạo, nâng cấp trục xã Lê Lợi, đoạn từ thôn Thanh Tân đến TL 398 thôn An Lĩnh	2021	9.332		8.453,96	698,76	698,76	698,76	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Lê Lợi	2022	14.996		12.412,44	12.412,44	2.268,00	2.268,00		
Cải tạo nâng cấp đường liên xã Hoàng Tân - Bến Tầm - Lê Lợi thành phố Chí Linh. Đoạn trên địa phận thôn Đa Cốc và Trung Quê, kết nối với quốc lộ 37	2021-2022	14.969		12.800,00	12.800,00	1.886,00	1.886,00		
Nhà văn hóa Thanh Tào xã Lê Lợi	2022	2.632		2.000,00	2.000,00	449,95	449,95		
Quy hoạch chung xây dựng xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đến năm 2030	2022	553,14		200,00	200,00	199,10	199,10		
<b>Trong đó: hoàn thành trong năm</b>		<b>29.656,93</b>		<b>14.104,68</b>	<b>14.104,68</b>	<b>3.733,59</b>	<b>3.733,59</b>		
Xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND- UBND- phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh. Hạng mục: Nhà trụ sở làm việc, một cửa, tiếp dân.	2023-2024	14.689,57		9.838,86	9.838,86				
Xây dựng trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND phường Cộng Hòa. Hạng mục: Nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	2024-2025	14.967,4		4.265,8	4.265,8	3.733,59	3.734		
<b>2. Công trình khởi công mới</b>									
Trong đó: hoàn thành trong năm									



**THUYẾT MINH**  
**Công khai dự toán ngân sách năm 2025 trình HĐND phường**

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; số 1669/NQ-UBTVQH ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính: số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 và số 8911/BTC-NSNN ngày 20 tháng 6 năm 2025 về hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức cơ quan địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng; sửa đổi, bổ sung quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư công ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương sau sắp xếp.

Trên cơ sở dự toán toán ngân sách được UBND thành phố giao, dự toán thu chi ngân sách năm 2025 được xây dựng như sau:

**I. Dự toán thu ngân sách**

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Trần Hưng Đạo năm 2025: 10.026 triệu đồng.
- Thu điều tiết ngân sách phường được hưởng là 139.522 triệu đồng, trong đó:
  - Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp là 4.555 triệu đồng.
  - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên là 134.967 triệu đồng.

**II. Chi và phân bổ ngân sách.**

- Tổng chi ngân sách phường năm 2025 là 139.522 triệu đồng, cụ thể như sau:
- Chi đầu tư phát triển: 3.250 triệu đồng.
  - Chi thường xuyên: 132.134 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 4.138 triệu đồng.

Dự toán chi năm 2025 đáp ứng cơ bản các nhiệm vụ cần thiết, cụ thể:

- Chi các hoạt động kinh tế: 5.109 triệu đồng, trong đó:

+ Chi giao thông: đảm bảo kinh phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đường giao thông theo số km đường quản lý của phường, kinh phí hoạt động đảm bảo an toàn giao thông, các hoạt động thường xuyên.

+ Chi nông, lâm nghiệp, phòng chống lụt bão đảm bảo theo diện tích đất nông nghiệp và số ki lô mét (km) chiều dài đê; kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, các hoạt động thường xuyên.

+ Chi sự nghiệp kinh tế khác: kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đấu giá, định giá đất cụ thể,..

- Chi môi trường: 618 triệu đồng, đảm bảo kinh phí chi cho công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, kinh phí mua hóa chất xử lý rác thải tập trung, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, các hoạt động thường xuyên sự nghiệp môi trường

- Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 89.438 triệu đồng, trong đó:

+ Sự nghiệp Giáo dục: đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho giáo viên theo biên chế được giao năm 2025 gồm lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, chi hoạt động giảng dạy; kinh phí duy tu, bảo dưỡng, tăng cường cơ sở vật chất; kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; Nghị Định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị Định 81/2021/NĐ-CP; kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập, các hoạt động quản lý giáo dục ...

+ Sự nghiệp Đào tạo: đảm bảo nhiệm vụ chi cho Trung tâm Chính trị, kinh phí huấn học.

- Chi Y tế: 245 triệu đồng bao gồm kinh phí phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn thành phố; kinh phí phục vụ công tác khám tuyến nghĩa vụ quân sự, chi hoạt động thường xuyên.

- Chi Văn hóa thông tin: 1.119 triệu đồng, bảo đảm công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn, kinh phí trang trí ngày lễ tết, chi hoạt động văn hóa thông tin;

- Chi Thể dục thể thao: 306 triệu đồng, bảo đảm tăng cường huấn luyện, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ thể thao trong tổ chức xã hội, nhân dân; công tác huấn luyện phục vụ thi đấu các giải, tổ chức các giải đấu thể thao cấp huyện, thay

thể trang thiết bị thể dục thể thao, hoạt động thường xuyên sự nghiệp thể dục thể thao; kinh phí tổ chức Đại hội Thể dục thể thao.

- Chi Phát thanh truyền hình: 436 triệu đồng, đảm bảo các hoạt động thường xuyên sự nghiệp phát thanh truyền hình, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như nâng cao thời lượng phát sóng, chất lượng tin bài, các nhiệm vụ chuyên môn phát thanh truyền hình, sửa chữa thường xuyên đài phát thanh, hệ thống truyền thanh cơ sở.

- Chi sự nghiệp Đảm bảo xã hội: 3.766 triệu đồng, đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; chi hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn thẩm định hồ sơ, chi khác phục vụ cho công tác quản lý; chi trợ cấp đột xuất, chi hỗ trợ cho đối tượng lang thang cơ nhỡ, thăm hỏi ngày lễ tết, chi cho công tác đảm bảo xã hội cấp huyện; kinh phí mai táng phí do tỉnh ủy quyền; kinh phí chúc thọ người cao tuổi; hỗ trợ hộ nghèo và chi công tác xã hội khác; kinh phí thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp thông tin người lao động năm 2025; kinh phí trợ cấp hàng tháng và BHYT cho cán bộ già yếu nghỉ việc....

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 27.417 triệu đồng, đảm bảo đầy đủ nhiệm vụ chi cho con người theo biên chế được giao năm 2025 như lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động, nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên và các khoản đặc thù, phát sinh trong năm của đơn vị; hỗ trợ công chức làm việc tại bộ phận một cửa, kinh phí chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam phường quản lý; kinh phí tổ chức Đại hội Đảng; đảm bảo chi thường xuyên mức 15 triệu đồng cho 1 biên chế có mặt.

- Chi An ninh, Quốc phòng: 3.571 triệu đồng, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên nhiệm vụ an ninh trật tự; kinh phí thực hiện công tác huấn luyện dự bị động viên, dân quân tự vệ theo quy định Luật dân quân tự vệ và Luật dự bị động viên, chế độ chính sách thực hiện Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở,...

- Chi khác: 109 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 4.138 triệu đồng, bố trí thực hiện theo quy định của Luật NSNN để thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp mà chưa được dự toán, hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới, chi hỗ trợ các địa phương khác.

Đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, đề nghị HĐND phường giao nhiệm vụ cho

UBND phường xem xét, quyết định bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định; định kỳ báo cáo Thường trực HĐND phường và HĐND phường tại kỳ họp gần nhất.

Trên đây là Thuyết minh phương án phân bổ dự toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2025 trình Hội đồng nhân dân phường./.

